

Số: 01/2026/QĐST-VLĐ

Phú Thọ, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hạnh.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 05/2025/TLST-VLĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 02/2026/QĐST-VLĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Khổng Thị D, sinh năm 2001 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Phú Thọ.

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy P – Giám đốc.

Địa chỉ: Số C, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh V – Giám đốc bảo hiểm xã hội cơ sở V1 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường H, phường V, tỉnh Phú Thọ.

+ Công ty TNHH D1; Địa chỉ: Khu Công nghiệp K, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SON JAE CHEOL – Tổng giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động đề ngày 21/11/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người yêu cầu chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị Khổng Thị D là em họ của chị. Năm 2017, chị D có nhu cầu xin việc làm tại Công ty TNHH D1 nên chị D đã mượn chứng minh nhân dân của chị để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty TNHH D1. Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018, chị D làm việc tại Công ty TNHH DKT VINA và được Công ty làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 nhưng lại mang tên chị là Nguyễn Thị L.

Cùng trong thời gian trên, chị làm việc tại Công ty TNHH F có trụ sở tại xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, nay là xã S, tỉnh Phú Thọ và được Công ty Đ với mã bảo hiểm số 2515000961 mang tên chị là Nguyễn Thị L.

Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D1 và chị Nguyễn Thị L trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu, do không trung thực khi ký kết hợp đồng lao động. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Khổng Thị D tại bản tự khai ngày 23/12/2025 trình bày: Tháng 5 năm 2017, chị mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty TNHH D1. Công ty TNHH D1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo mã số 2616144857 mang tên Nguyễn Thị L trong thời gian từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018. Nay, chị L yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D1 và chị Nguyễn Thị L trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 với mã Bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu, quan điểm của chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L, ngoài ra chị không có đề nghị nào khác.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1, tại bản tự khai ngày 19/12/2025 trình bày: Công ty TNHH D1 xác nhận có ký Hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 06/8/1998; địa chỉ thường trú C, Sông L, Vĩnh Phúc với thời hạn 12 tháng, từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến ngày 17 tháng 5 năm 2018 và đóng bảo hiểm xã hội cho chị L với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 trong thời gian từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018.

Đối với việc chị Khổng Thị D mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động là cố tình giả mạo hồ sơ, không trung thực trong việc tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động và không tuân thủ pháp luật về lao động; việc này Công ty không được biết. Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật; ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu, đề nghị nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ, tại bản tự khai ngày 05/01/2026 trình bày: Qua quá trình kiểm tra, rà soát dữ liệu thông tin người tham gia trên hệ thống phần mềm Quản lý thu sổ thẻ của Bảo hiểm xã hội cơ sở Vĩnh Phúc như sau:

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 2616144857, có thông tin và quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Họ tên Nguyễn Thị L, ngày sinh 06/8/1998, số chứng minh thư (cũ) 135882412. Quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ tháng 6/2017 đến tháng 02/2018 tham gia tại Công ty TNHH D1, lô G khu công nghiệp K, V, Vĩnh Phúc, nay là phường V, tỉnh Phú Thọ.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 2515000961, cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở V1 không quản lý. Tuy nhiên qua kiểm tra dữ liệu trên cơ sở dữ liệu tập trung của ngành Bảo hiểm xã hội, trường hợp này có thông tin và quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Họ tên Nguyễn Thị L, ngày sinh 06/8/1998, giới tính nữ, căn cước công dân số 026198000220. Đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 (cũ), đơn vị tham gia trước khi nghỉ việc là Công ty TNHH F.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Vĩnh Phúc căn cứ vào hồ sơ đơn vị đề nghị báo tăng lao động để thực hiện phát sinh tăng đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở V1 không biết việc mượn hồ sơ giữa chị Nguyễn Thị L và chị Khổng Thị D. Quan điểm của Bảo hiểm xã hội cơ sở V1 đối với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị L như sau: Hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 06/8/1998, mã số Bảo hiểm xã hội 2616144857 tại Công ty TNHH D1 là vô hiệu do không trung thực.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tại phiên họp sơ thẩm về việc giải quyết việc lao động: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 369, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị L. Tuyên bố: Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị L và Công ty TNHH D1 trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu.

Đề nghị giải quyết về lệ phí việc lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ nhận định:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Hợp đồng lao động được ký kết và thực hiện giữa người lao động chị Nguyễn Thị L và Công ty TNHH D1 có địa chỉ tại lô G khu công nghiệp K, V, Vĩnh Phúc, nay là phường V, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Không Thị D, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D1 và người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh V có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Năm 2017, chị Không Thị D có nhu cầu xin việc làm tại Công ty TNHH D1 nên đã mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH D1. Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018, chị D làm việc tại Công ty TNHH DKT VINA và được Công ty làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 nhưng lại mang tên Nguyễn Thị L. Cùng trong thời gian trên, chị Nguyễn Thị L làm việc tại Công ty TNHH F có trụ sở tại xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, nay là xã S, tỉnh Phú Thọ và được Công ty Đ với mã bảo hiểm số 2515000961 mang tên Nguyễn Thị L.

Việc đóng trùng bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D1 và chị Nguyễn Thị L trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu với lý do không trung thực khi ký kết hợp đồng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

[3] Xét yêu cầu của người yêu cầu, thấy rằng: Lời khai của chị Nguyễn Thị L và chị Không Thị D phù hợp với xác nhận của Công ty TNHH DKT VINA và Bảo hiểm xã hội tỉnh D1, vì trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018 chị Nguyễn Thị L đang làm việc tại công ty TNHH F và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội 2515000961. Như vậy chủ thể ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D1 trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 là chị Không Thị D, không phải là chị Nguyễn Thị L.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập*

và tiến hành qua thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết.”; “Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội”.

Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.*

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 về hợp đồng lao động vô hiệu thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”.* Mặt khác, theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXX ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L2 thì: *“Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”.* Do đó, có cơ sở xác định việc chị Khổng Thị D mượn hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 2616144857 từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018 tại C là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị L (do chị Khổng Thị D là chủ thể trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH D1 trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu.

Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tại phiên họp có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 369, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị L.

Tuyên bố: Hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị L và Công ty TNHH D1 trong thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018 với mã bảo hiểm xã hội số 2616144857 là vô hiệu.

Chị Nguyễn Thị L và chị Khổng Thị D có quyền, nghĩa vụ liên hệ với C1 có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0006679 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh